**NHÀ RÔNG. LUYỆN TẬP**

**TIẾNG VIỆT**

**-- 75 --**

**VỀ TỪ CÓ NGHĨA GIỐNG NHAU**

**DẤU HAI CHẤM (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà học sinh địa phương dễ viết sai (nhà rông, cao lớn, làng nào, vót nan, đan lát...)

- Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc dộc đọc khoảng 70 tiếng/phút.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (cỏ tranh, bề thế, già làng, vót, nan...)

- Hiểu nội dung bài: Tả đặc điểm của nhà rông ở Tây nguyên và những sinh hoạt cộng đồng của người Tây nguyên gắn với nhà rông.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích những nét đẹp và độc đáo của nhà rông Tây nguyên.

+ Cảm nhận được tinh thần đoàn kết cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc ở Tây Nguyên – Một biểu tượng của văn hóa dân tộc Việt Nam.

+ Biết sử dụng các từ ngữ chỉ đặc điểm.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**-** Ý thức chân trọng bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức yêu thương, giúp đỡ những người xung quanh lúc khó khăn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ lắng nghe, kể chuyện theo yêu cầu.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước.  - Cách tiến hành:  - GV giới thiệu bài  Nói đến vùng đất Miền Trung và các dân tộc ở Tây Nguyên ngoài những hình ảnh về đua voi, tiếng cồng chiêng và tiếng đàn tơ rưng, các em còn nghĩ đến hình ảnh nổi bật về nhà cửa (Nhà rông)  => GV đưa hình ảnh  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (15-20’)**  **-** Mục tiêu:  + Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà học sinhđịa phương dễ viết sai (nhà rông, cao lớn, làng nào, vót nan, đan lát....)  + Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 70 tiếng/phút.  + Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (cỏ tranh, bề thế, già làng, vót, nan...)  + Phát triển năng lực văn học:  + Biết bày tỏ sự yếu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.  **-** Cách tiến hành:  **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm, chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả. (*cao lớn nhất, bề thế, khang trang)*  - GV tổ chức cho học sinh luyện đọc.  - GV giúp học sinh biết cách ngắt nghỉ hơi đúng, đọc gây ấn tượng ở các từ ngữ làm nổi bật ý chính. (*Hình dáng nhà rông có thể không giống nhau) nhưng bao giờ đó cũng là ngôi nhà sàn cao nhất/, đẹp nhất của làng….Làng càng lớn và có nhiều người tài giỏi thì nhà rông càng bề thế, khang trang)*  - Gọi 1 học sinh đọc bài  - GV chia bài thành 4 đoạn.  + Đoạn 1 : Từ đầu đến *làng*  + Đoạn 2: Tiếp theo đến *khang trang*  + Đoạn 3: Tiếp theo đến *dân làng*  + Đoạn 4: Còn lại  - GV gọi học sinh đọc nối tiếp đoạn  - Luyện đọc từ khó: *già làng, đan nát, cao lớn*….  - GV tổ chức luyện đọc theo nhóm lớp.  - GV nhận xét HS  **\* Hoạt động 2 : Đọc hiểu**  - GV gọi 4 học sinh đọc to nhất để đọc nối tiếp bài.  - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  - GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm đôi  ( Luân phiên hỏi đáp từng câu hỏi và bổ sung ý kiến)  - GV nhận xét và bổ sung  1. Nhà rông có đặc điểm gì nổi bật?  2. Nhà rông được dùng để làm gì?  3. Vì sao có thể nói nhà rôn là nơi thể hiện tài năng và tinh thần cộng đồng của người Tây Nguyên?  - GV gọi HS nêu nội dung bài  => GV nhận xét và chốt nội dung bài : Tả đặc điểm của nhà rông ở Tây nguyên và những sinh hoạt cộng đồng của người Tây nguyên gắn với nhà rông.  **3. Củng cố, dặn dò: (3’)**  - GV nhận xét tiết học | - HS quan sát tranh, lắng nghe ý  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp đoạn  - Luyện đọc từ khó và luyện ngắt nghỉ câu dài  - HS luyện đọc theo nhóm lớp  - HS thảo luận nhóm đôi  - Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp .  - Quy mô: Lớn, cao, đẹp nhất trong làng.  - Vật liệu: Làm bằng gỗ tốt, kết hợp chất liệu tre nứa và lợp cỏ tranh  - Là nơi đón tiếp khách đến làng, nơi già làng bàn việc chung. nơi đàn ông ngồi trò chuyện, vót nan, đan nát. Là chỗ ngủ của con trai từ thiếu niên cho đến khi lấy vợ. Là nơi tổ chức những lễ cúng.  - Có thể nói nhà rông là nơi thể hiện tài năng và tinh thần cộng đồng của người dân Tây Nguyên vì: Dân làng cùng nhau làm nhà rông. Làng càng lớn và có nhiều người tài giỏi thì nhà rông càng bề thế, khang trang. Mỗi khi nói đến Tây Nguyên là người ta thường nhắc đến nhà rông.  - HS nêu nội dung theo ý hiểu của mình. |

**Điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**-- 76 --**

**NHÀ RÔNG. LUYỆN TẬP**

**VỀ TỪ CÓ NGHĨA GIỐNG NHAU**

**DẤU HAI CHẤM (TIẾT 2)**

**` I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà học sinh địa phương dễ viết sai (nhà rông, cao lớn, làng nào, vót nan, đan lát...)

- Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc dộc đọc khoảng 70 tiếng/phút.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (cỏ tranh, bề thế, già làng, vót, nan...)

- Hiểu nội dung bài: Tả đặc điểm của nhà rông ở Tây nguyên và những sinh hoạt cộng đồng của người Tây nguyên gắn với nhà rông.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích những nét đẹp và độc đáo của nhà rông Tây nguyên.

+ Cảm nhận được tinh thần đoàn kết cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc ở Tây Nguyên – Một biểu tượng của văn hóa dân tộc Việt Nam.

+ Biết sử dụng các từ ngữ chỉ đặc điểm.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**-** Ý thức chân trọng bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức yêu thương, giúp đỡ những người xung quanh lúc khó khăn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ lắng nghe, kể chuyện theo yêu cầu.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước.  - Cách tiến hành:  - Gọi 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ bài “Bận”  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV ghi đầu bài lên bảng.  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập: (15-20’)**  - Mục tiêu:  + Biết tìm từ cùng nghĩa.  + Biết tác dụng của dấu hai chấm và vận dụng.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành:  **Bài 1/T78**  - GV chiếu bài tập lên và yêu cầu HS đọc các từ ngữ đã cho.  - Hướng dẫn học sinh làm bài tập  - Gọi một số HS đọc các từ mình tìm được.  - Tổ chức nhận xét và chốt bài làm đúng -> - Gọi HS đọc lại bài đúng.  **Bài 2/T78**  - Yêu cầu HS nêu các câu cần đặt dấu hai chấm.  - GV gợi ý cho HS nêu tác dụng của dấu hai chấm trong câu:  - Yêu cầu HS làm bài tập.  - Gọi HS báo cáo kết quả và nói rõ những chỗ cần đặt dấu hai chấm cho từng câu.  - GV hướng dẫn ngắt hơi.  - GV củng cố tác dụng của dấu hai chấm:  + Các dấu chấm trong 3 câu trên có tác dụng gì  - GV nhận xét, tuyên dương HS  **4. Hoạt động vận dụng: (5’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành:  **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào tực tiễn cho học sinh.  - Nhận xét, tuyên dương  **5. Củng cố, dặn dò: (3’)**  - GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ của bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc ngữ liệu  - HS ghi các từ tìm được vào VBT: thiếu nhi – trẻ em  trai tráng – nam thanh niên  tập quán – thói quen  - Một số HS đọc các từ mình tìm được.  - Một số HS đọc lại bài làm đúng.  - HS đọc ngữ liệu  - HS ghi các từ tìm được vào VBT: thiếu nhi – trẻ em  trai tráng – nam thanh niên  tập quán – thói quen  - Một số HS đọc các từ mình tìm được.  - Một số HS đọc lại bài làm đúng.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS nêu:  + Báo hiệu bộ phận câu đứng sau liệt kê các (sự vật, hoạt động, đặc điểm) liên quan  + Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.  - HS làm vào VBT, 3 HS lên bảng làm bài tập, mỗi em làm 1 câu.  - HS đọc lại các câu đã điền dấu.  - HS trả lời : Báo  - HS thực hiện |

**Điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................